

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ

ThS. Kiều Anh Vũ – Khoa Lý luận chính trị

I. SỰ CHUYỂN HOÁ CỦA TIỀN THÀNH TƯ BẢN VÀ HÀNG HÓA SỨC LAO ĐỘNG

1. Sự chuyển hoá của tiền thành tư bản

1.1. Điều kiện ra đời quan hệ kinh tế tư bản chủ nghĩa

- Tập trung được một số tiền lớn vào tay một số ít người để trở thành nhà tư bản.
- Người lao động được tự do về thân thể và mất hết tư liệu sản xuất chủ yếu.

1.2. Công thức chung của tư bản

$$T - H - T'$$

Công thức trên được gọi là công thức chung của tư bản vì mọi tư bản, dù là tư bản công nghiệp, thương nghiệp, cho vay,... đều vận động theo công thức đó.

Tiền chỉ trở thành tư bản khi tiền vận động theo công thức trên. Trong đó, $T' = T + \Delta t$, Δt là số tăng thêm so với giá trị (T) ứng ra ban đầu, Mác gọi đó là giá trị thặng dư, ký hiệu là (m).

- So sánh công thức lưu thông hàng hoá giản đơn (H - T - H) với công thức chung của tư bản.

So sánh	H - T - H	T - H - T'
Giống nhau	Đều phản ánh sự vận động của kinh tế hàng hoá; Đều gồm các yếu tố tiền (T) và hàng (H); Đều có hành vi mua và bán; Đều ẩn chứa quan hệ giữa người mua và người bán.	
Khác nhau	- Điểm mở đầu và kết thúc là H, T làm nhiệm vụ trung gian; - Hành động bán diễn ra trước,	- Điểm mở đầu và kết thúc là T, H làm nhiệm vụ trung gian; - Hành động mua diễn ra trước,

	sau đến hành động mua; - Mục đích của lưu thông là giá trị sử dụng; - Sự vận động có giới hạn, mục đích cuối cùng là sự tiêu dùng sản phẩm.	sau đến hành động bán; - Mục đích của lưu thông là giá trị và giá trị thặng dư; - Sự vận động liên tục, tư bản không ngừng lớn lên.
--	---	---

1.3. Mâu thuẫn của công thức chung của tư bản

Thoạt nhìn vào công thức chung của tư bản ta thấy, dường như giá trị thặng dư do lưu thông hàng hoá sinh ra. Điều này trái với học thuyết giá trị - lao động của Mác, giá trị được tạo ra trong quá trình lao động.

→ Mâu thuẫn của công thức chung của tư bản: “Vậy là tư bản không thể xuất hiện từ lưu thông và cũng không thể xuất hiện ở bên ngoài lưu thông. Nó phải xuất hiện trong lưu thông và đồng thời không phải trong lưu thông”¹

Xét các trường hợp:

* / Trong lưu thông:

- Trao đổi ngang giá: hàng hoá bán đúng giá trị, cả người mua và người bán không thể nhận hơn một phần tử giá trị nào.

- Trao đổi không ngang giá:

+ Mọi người đều bán hàng hoá cao hơn giá trị. Trong xã hội hàng hoá, ai cũng vừa là người bán vừa là người mua, do vậy, lượng giá trị tăng thêm khi bán hàng thu được cũng đúng bằng lượng giá trị mất đi khi mua hàng.

+ Mọi người đều bán hàng hoá thấp hơn giá trị. Lượng giá trị bị mất khi bán cũng đúng bằng lượng giá trị được lợi khi mua.

+ Có người chuyên mua rẻ bán mắc. Khi đó, tổng giá trị mà những người chuyên mua rẻ, bán mắc thu được sẽ bằng tổng giá trị mà những người phải bán rẻ, mua mắc mất đi. Xét trong toàn xã hội, thông qua lưu thông giá trị hàng hoá vẫn không tăng thêm phần tử nào.

¹ C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 1993, tập 23, tr.249.

*/ Ngoài lưu thông:

Tiền để ngoài lưu thông (trong két) cũng không thể sinh ra giá trị thặng dư.

Tiền phải đưa vào lưu thông, mua các yếu tố sản xuất, kết hợp chúng với nhau (tiêu dùng) để tạo ra hàng hoá mới rồi bán mới thu được giá trị thặng dư. Tuy nhiên, với hàng hoá thông thường trong quá trình tiêu dùng giá trị của nó sẽ giảm dần và không thể bán để thu giá trị thặng dư. Chỉ có một loại hàng hoá đặc biệt mà các nhà tư bản đã phát hiện ra, khi sử dụng nó, giá trị của nó không mất đi mà còn tạo ra một lượng giá trị mới lớn hơn nó. Đó là hàng hoá sức lao động. Đến đây mâu thuẫn của công thức chung mới được giải quyết.

2. Sự chuyển hoá của sức lao động thành hàng hoá

Sức lao động là tổng hợp toàn bộ thể lực và trí lực của con người được sử dụng trong quá trình lao động.

Theo Mác: *“Sức lao động hay năng lực lao động là toàn bộ những năng lực thể chất và tinh thần tồn tại trong một cơ thể, trong một con người đang sống, và được người đó đem ra vận dụng mỗi khi sản xuất ra một giá trị sử dụng nào đó”*².

Lao động là hoạt động có mục đích, có ý thức của con người nhằm tạo ra những sản phẩm phục vụ những nhu cầu của chính đời sống con người.

2.1. Điều kiện để sức lao động trở thành hàng hoá

- Người lao động phải được tự do về thân thể;

Thời kỳ chiếm hữu nô lệ, người nô lệ không được tự do về thân thể. Trong thời đại ngày nay, những người đang bị mất quyền công dân cũng không có tự do về thân thể.

- Người lao động buộc phải bán hoặc mong muốn bán sức lao động của mình:

+ Người lao động mất hết tư liệu sản xuất chủ yếu buộc phải bán sức lao động để tồn tại;

+ Người lao động có tư liệu sản xuất nhưng không có khả năng tổ chức sản xuất hoặc có khả năng nhưng kém hiệu quả.

2.2. Hai thuộc tính của hàng hoá sức lao động

² Sđd, tr. 251.

Với tư cách là một loại hàng hoá, hàng hoá sức lao động cũng có giá trị sử dụng và giá trị.

2.2.1. Giá trị của hàng hoá sức lao động

- Giá trị của hàng hoá sức lao động là giá trị những tư liệu tiêu dùng để tạo ra và tái tạo ra sức lao động.

. Giá trị tư liệu tiêu dùng để nuôi sống người lao động

. Giá trị tư liệu tiêu dùng cho gia đình người lao động

. Chi phí để đào tạo người lao động

- Giá trị hàng hoá sức lao động mang yếu tố tinh thần và lịch sử xã hội.

2.2.2. Giá trị sử dụng của hàng hoá sức lao động

Giá trị sử dụng của hàng hoá sức lao động cũng giống như những hàng hoá khác, chỉ được thể hiện ra trong quá trình tiêu dùng nó.

Quá trình tiêu dùng sức lao động chính là quá trình người công nhân tiến hành lao động, sản xuất ra những hàng hoá chứa đựng những giá trị mới lớn hơn giá trị sức lao động. Phần lớn hơn đó chính là giá trị thặng dư.

2.3. Tiền công

- Giá trị hàng hoá sức lao động biểu hiện thành tiền công gọi là giá cả hàng hoá sức lao động. Tiền công là giá cả hàng hoá sức lao động chứ không phải giá cả của lao động.

- Tiền công có hai hình thức cơ bản: tiền công tính theo thời gian và tiền công tính theo sản phẩm.

- Tiền công danh nghĩa và tiền công thực tế:

+ Tiền công danh nghĩa là số tiền mà người lao động được trả cho công việc của mình.

+ Tiền công thực tế là số hàng hoá, dịch vụ mà người lao động có được nhờ việc sử dụng tiền công danh nghĩa.

II. QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ

1. Quá trình sản xuất giá trị thặng dư

Đặc điểm của sản xuất tư bản chủ nghĩa

- Tư liệu sản xuất thuộc sở hữu của nhà tư bản, người lao động chỉ là người làm công ăn lương;

- Nhà tư bản toàn quyền tổ chức sản xuất - kinh doanh, người lao động làm việc dưới sự kiểm soát của nhà tư bản;

- Sản phẩm do lao động làm thuê tạo ra, nhưng do nhà tư bản quyết định việc phân phối sản phẩm đó.

Ví dụ về một nhà tư bản sản xuất sợi:

***/ Giai đoạn 1, chuẩn bị:**

- Mua 100kg bông hết 100\$

- Mua sức lao động sử dụng trong một ngày (8h) hết 10\$

- Hao mòn máy móc để chuyển 100kg bông thành sợi hết 5\$

***/ Giai đoạn 2, sản xuất giá trị thặng dư:**

Giả sử trong 4h đầu, người công nhân bằng lao động cụ thể của mình đã chuyển hết 100kg bông thành 100kg sợi, và bằng lao động trừu tượng đã tạo ra một giá trị mới là 10\$ (*năng suất lao động là 1h tạo ra 2,5\$*). Nếu đến đây người công nhân nghỉ thì nhà tư bản không có lợi gì. Nhưng nhà tư bản lại thuê công nhân làm việc trong 8h, do đó, người công nhân phải tiếp tục làm việc thêm 4h nữa.

Để sử dụng công nhân trong 4h tiếp theo, nhà tư bản phải bỏ ra 100\$ để mua bông và 5\$ khấu hao máy móc mà không cần trả thêm tiền cho công nhân. Dù vậy, trong 4h này người công nhân tiếp tục chuyển hết 100kg bông thành 100kg sợi và tạo ra một giá trị mới là 10\$ cho nhà tư bản.

Như vậy, trong một ngày lao động là 8h, nhà tư bản đã chi phí:

Bông 200kg = 200\$

Khấu hao máy móc = 10\$

Thuê công nhân = 10\$

Tổng số = 220\$

Và giá trị sản phẩm mới (sợi) mà nhà tư bản có được do tiêu dùng những hàng hoá mình mua về (TLSX và SLĐ) là:

Giá trị của tư liệu sản xuất chuyển sang = 210\$

Giá trị mới do công nhân tạo ra = 20\$

Tổng số = **230\$**

So với chi phí bỏ ra, giá trị sản phẩm mới (sợi) mà nhà tư bản có được dôi ra 10\$. 10\$ này chính là giá trị thặng dư.

***/ Kết luận**

- Giá trị thặng dư là bộ phận của giá trị mới, dôi ra ngoài giá trị sức lao động do công nhân làm thuê tạo ra, bị nhà tư bản chiếm đoạt.

- Ngày lao động của công nhân làm thuê trong chủ nghĩa tư bản là thời gian lao động trong ngày. Nó chia thành 2 phần: Thời gian lao động tất yếu và thời gian lao động thặng dư.

+ Thời gian lao động tất yếu là thời gian mà người lao động tạo ra một giá trị mới tương đương với giá trị sức lao động của bản thân.

+ Thời gian lao động thặng dư là thời gian lao động mà người lao động tạo ra giá trị thặng dư cho nhà tư bản.

- Tư bản là giá trị mang lại giá trị thặng dư bằng cách bóc lột lao động làm thuê.

- Tư bản, giá trị thặng dư trước hết là một số tiền, nhưng nó không phải là tiền, cũng không phải là tư liệu sản xuất, mà nó là một quan hệ sản xuất, thể hiện mối quan hệ giữa nhà tư bản với lao động làm thuê.

2. Tư bản bất biến và tư bản khả biến

- *Định nghĩa:*

+ Tư bản bất biến là bộ phận tư bản khi tham gia vào quá trình sản xuất giá trị của nó không thay đổi trong việc chuyển vào giá trị sản phẩm mới. Ký hiệu là (c).

Đó chính là bộ phận tư bản dùng để mua tư liệu sản xuất.

+ Tư bản khả biến là bộ phận tư bản khi tham gia vào quá trình sản xuất giá trị của nó có thể thay trong việc chuyển vào giá trị sản phẩm mới. Ký hiệu là (v).

Đó chính là bộ phận tư bản dùng để mua sức lao động.

- *Cơ sở phân chia:*

Căn cứ vào sự thay đổi hay không thay đổi giá trị khi tham gia vào quá trình sản xuất.

- *Mục đích phân chia:*

Để xác định rõ nguồn gốc của (m) là do sức lao động (v) tạo ra chứ không phải tư liệu sản xuất (c) tạo ra, đành rằng (c) cũng có vai trò để hình thành (m).

3. Tỷ suất giá trị thặng dư và khối lượng giá trị thặng dư

- Tỷ suất giá trị thặng dư là tỷ lệ % giữa giá trị thặng dư và tư bản khả biến. Ký hiệu là (m').

Công thức tính: $m' = (m/v).100\%$

Tỷ suất giá trị thặng dư thể hiện trình độ bóc lột giá trị thặng dư của nhà tư bản.

- Khối lượng giá trị thặng dư là tích số giữa (m') và tổng tư bản khả biến (V). Ký hiệu là (M).

Công thức tính: $M = m'.V$

Khối lượng giá trị thặng dư nói lên quy mô bóc lột giá trị thặng dư của nhà tư bản.

4. Hai phương pháp sản xuất giá trị thặng dư và giá trị thặng dư siêu ngạch

4.1. Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối

Là phương pháp sản xuất giá trị thặng dư bằng cách kéo dài ngày lao động để tăng thời gian lao động thặng dư, trong khi giá trị sức lao động, thời gian lao động tất yếu không đổi.

Có thể kéo dài ngày lao động bằng cách tăng thời gian lao động với cường độ lao động như cũ hoặc tăng cường độ lao động với thời gian lao động không đổi.

Phương pháp này thường được sử dụng trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa tư bản, khi mà khoa học, kỹ thuật chưa phát triển.

**/ Hạn chế của phương pháp sản xuất (m) tuyệt đối:*

- + Giới hạn ngày tự nhiên chỉ có 24h;
- + Bị giới hạn tâm, sinh lý của con người;
- + Gặp phải sự đấu tranh của người lao động.

4.2. Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối

- Là phương pháp sản xuất giá trị thặng dư bằng cách rút ngắn thời gian lao động tất yếu trong khi độ dài ngày lao động không đổi.

Thời gian lao động tất yếu là thời gian lao động mà người lao động tạo ra một giá trị mới ngang bằng giá trị sức lao động của bản thân. Vậy, nếu giá trị sức lao động giảm xuống thì thời gian lao động để tạo ra nó cũng giảm xuống. Để có được (m) tương đối, các nhà tư bản phải giảm giá trị sức lao động xuống. Mà giá trị sức lao động là giá trị các tư liệu sinh hoạt cho công nhân và gia đình anh ta. Do đó, để giảm giá trị sức lao động thì phải giảm giá trị các tư liệu sinh hoạt, để giảm giá trị các tư liệu sinh hoạt thì phải tăng năng suất các ngành sản xuất tư liệu sinh hoạt. Muốn tăng năng suất các ngành sản xuất tư liệu sinh hoạt lại phải tăng năng suất các ngành sản xuất tư liệu sản xuất (để tạo ra nguyên, nhiên, vật liệu rẻ hơn; máy móc, trang thiết bị hiện đại hơn).

Giá trị thặng dư tương đối thu được khi năng suất lao động xã hội tăng lên, và do đó, giá trị sức lao động giảm xuống, thời gian lao động tất yếu sẽ giảm theo.

4.3. Giá trị thặng dư siêu ngạch

Giá trị thặng dư siêu ngạch là giá trị thặng dư thu được do giá trị cá biệt thấp hơn giá trị xã hội nhờ tăng năng suất lao động cá biệt.

Giá trị thặng dư siêu ngạch là hiện tượng phổ biến trong xã hội tư bản nhưng nó là nhất thời đối với từng nhà tư bản.

Giá trị thặng dư siêu ngạch là hình thức biến tướng của giá trị thặng dư tương đối, vì cả hai cùng dựa trên cơ sở tăng năng suất lao động (tăng NSLĐCB và tăng NSLĐXH).

5. Sản xuất giá trị thặng dư - Quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản

- Mục đích của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa không phải là giá trị sử dụng hay giá trị mà là giá trị thặng dư.

- Để đạt được mục đích đó, các nhà tư bản sẵn sàng áp dụng mọi phương tiện, mọi cách thức.

- Sản xuất giá trị thặng dư trở thành quy luật kinh tế chi phối sự vận động, phát triển và quy định cả sự diệt vong tất yếu của chủ nghĩa tư bản.

III. SỰ CHUYỂN HÓA CỦA GIÁ TRỊ THẶNG DƯ THÀNH TƯ BẢN – TÍCH LŨY TƯ BẢN

1. Tính tất yếu khách quan của tích lũy tư bản

a. Khái niệm

Tích lũy tư bản là quá trình biến một phần giá trị thặng dư thành tư bản phụ thêm để mở rộng sản xuất.

Tích lũy tư bản là quá trình tư bản hoá giá trị thặng dư.

b. Tính tất yếu khách quan của tích lũy tư bản

- Đáp ứng nhu cầu của tái sản xuất mở rộng nền kinh tế TBCN.
- Để có ưu thế trong cạnh tranh.
- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - kỹ thuật, đổi mới công nghệ.
- Bảo đảm sự thống trị của *giai cấp tư sản* đối với *giai cấp công nhân*.

2. Thực chất của tích lũy tư bản

Thực chất của tích lũy tư bản được thể hiện thông qua quá trình tái sản xuất tư bản chủ nghĩa

- *Khái niệm*: Tái sản xuất là quá trình sản xuất được lặp đi lặp lại và đổi mới không ngừng.

- *Nội dung của tái sản xuất*:

- + Tái sản xuất ra của cải vật chất.
- + Tái sản xuất ra sức lao động.
- + Tái sản xuất ra quan hệ sản xuất.

- *Loại hình tái sản xuất*:

Tái sản xuất được chia thành tái sản xuất giản đơn và tái sản xuất mở rộng.

a. Tái sản xuất giản đơn

- Tái sản xuất giản đơn là sự lặp lại quá trình sản xuất với quy mô như cũ.

Tái sản xuất giản đơn TBCN là quá trình sản xuất được lặp lại với quy mô tư bản như cũ, nhà tư bản tiêu dùng hết giá trị thặng dư.

Ví dụ: Một nhà tư bản có lượng tư bản ứng trước là 100 triệu USD (80 dùng để mua tư liệu sản xuất, 20 dùng để mua sức lao động); $m' = 100\%$

- Quy mô sản xuất năm thứ nhất: $80c + 20v$

Kết quả: $G = 80c + 20v + 20m = 120$ (tiêu dùng hết 20m)

- Quy mô sản xuất năm thứ 2: $80c + 20v$ (như năm 1)

- Kết luận của Mác:

+ Nguồn gốc của tư bản khả biến hay tiền lương

+ Nguồn gốc của toàn bộ tư bản ứng trước

+ Địa vị phụ thuộc của công nhân làm thuê đối với nhà tư bản

b. Tái sản xuất mở rộng

Tái sản xuất mở rộng là quá trình sản xuất được lặp lại với quy mô lớn hơn trước.

Tái sản xuất mở rộng TBCN là quá trình sản xuất được lặp lại với quy mô tư bản lớn hơn trước, nhà tư bản không tiêu dùng hết giá trị thặng dư mà biến một phần giá trị thặng dư thành tư bản phụ thêm để mở rộng sản xuất.

Ví dụ: Tiếp tục ví dụ trên:

(1) Quy mô tư bản: $100 \rightarrow 80c + 20v$ ($m' = 100\%$)

Kết quả sản xuất năm thứ nhất: $G = 120 = 80c + 20v + 20m$

Trong 20m, nhà TB tiêu dùng 10m và tích lũy 10m để mở rộng sản xuất

(2) Quy mô tư bản: $110 \rightarrow 88c + 22v$

(theo tỷ lệ như cũ, với 10 tr.đô tư bản phụ thêm, nhà tư bản sẽ chia thành 8c và 2v)

Kết quả sản xuất năm thứ hai: $G = 132 = 88c + 22v + 22m$

Trong 22m, nhà tư bản tiếp tục tiêu dùng 11m và tích lũy 11m.

- Kết luận của Mác:

+ Nguồn gốc duy nhất của tích lũy tư bản là giá trị thặng dư

+ Sự chuyển hoá của quy luật sở hữu trong nền sản xuất hàng hoá thành các quy luật chiếm hữu tư bản chủ nghĩa.

3. Các nhân tố làm tăng quy mô tích lũy tư bản

Quy mô tích lũy tư bản phụ thuộc vào hai nhân tố, khối lượng giá trị thặng dư và quy mô tiêu dùng, do đó, để tăng quy mô tích lũy tư bản, nhà tư bản phải tác động vào hai nhân tố đó.

a. Trường hợp 1

Giả định khối lượng giá trị thặng dư không đổi, khi đó quy mô tích lũy tư bản sẽ phụ thuộc vào tỷ lệ phân chia khối lượng giá trị thặng dư thành quỹ tích lũy và quỹ tiêu dùng của nhà tư bản. Do đó, để tăng quy mô tích lũy, nhà tư bản sẽ phải giảm tiêu dùng.

b. Trường hợp 2

Giả định tỷ lệ phân chia khối lượng giá trị thặng dư không đổi, khi đó quy mô tích lũy tư bản sẽ phụ thuộc vào khối lượng giá trị thặng dư. Do đó, để tăng quy mô tích lũy tư

bản, nhà tư bản phải tăng khối lượng giá trị thặng dư. Vì vậy, những nhân tố làm tăng khối lượng giá trị thặng dư cũng là những nhân tố làm tăng quy mô tích lũy tư bản.

Bốn nhân tố làm tăng khối lượng giá trị thặng dư:

- Tăng quy mô tư bản ứng trước ($c + v$).
- Nâng cao trình độ bóc lột công nhân (*cắt xén tiền lương; tăng cường độ lao động hay kéo dài thời gian lao động*);
- Tăng năng suất lao động (*xã hội và cá biệt*);
- Sự chênh lệch ngày càng lớn giữa tư bản sử dụng và tư bản tiêu dùng.

4. Các quy luật của tích lũy tư bản

a. Tích lũy tư bản là quá trình làm cho cấu tạo hữu cơ của tư bản ngày càng tăng

- *Cấu tạo kỹ thuật của tư bản*: là tỷ lệ giữa số lượng tư liệu sản xuất với số lượng lao động cần thiết để sử dụng các tư liệu sản xuất đó.

- *Cấu tạo giá trị của tư bản*: là tỷ lệ về số lượng giá trị giữa tư bản bất biến và tư bản khả biến (hay giữa giá trị tư liệu sản xuất và giá trị sức lao động) cần thiết để tiến hành sản xuất (c/v).

- *Cấu tạo hữu cơ của tư bản*:

+ Cấu tạo hữu cơ của tư bản là cấu tạo giá trị của tư bản, do cấu tạo kỹ thuật quyết định và phản ánh sự thay đổi của cấu tạo kỹ thuật. Ký hiệu là c/v .

+ Trong quá trình tích lũy, cấu tạo hữu cơ của tư bản (c/v) ngày một tăng.

c/v tăng do:

+ c tăng nhanh, v tăng chậm

+ c tăng, v không đổi

+ c tăng, v giảm

+ Cấu tạo hữu cơ tư bản tăng, hay là trong quá trình tích lũy tư bản (c) luôn tăng tuyệt đối và (v) giảm tương đối. Đây là nguyên nhân tiềm ẩn của nạn thất nghiệp trong xã hội tư bản.

b. Tích lũy tư bản là quá trình làm cho tích tụ và tập trung tư bản ngày càng tăng

- *Tích tụ tư bản*: là quá trình làm tăng quy mô tư bản cá biệt bằng cách tư bản hóa giá trị thặng dư. Tích tụ tư bản là kết quả trực tiếp của tích lũy tư bản.

- *Tập trung tư bản*: là quá trình làm tăng quy mô tư bản cá biệt bằng cách hợp nhất các tư bản sẵn có lại với nhau.

- Tích tụ và tập trung tư bản tuy có nhiều điểm khác nhau nhưng có mối quan hệ mật thiết với nhau và luôn thúc đẩy nhau phát triển.

➔ Tích lũy tư bản làm cho quá trình tích tụ và tập trung tư bản tăng nhanh, đến lượt nó, tích tụ và tập trung tư bản tăng nhanh lại khiến cho quy mô tích lũy không ngừng được mở rộng.

c. Tích lũy tư bản là quá trình làm bản cùng hóa giai cấp công nhân

- Tích lũy tư bản đồng nghĩa với tích lũy sự giàu sang về phía giai cấp tư sản và tích lũy sự nghèo khổ về phía giai cấp công nhân, nói cách khác, tích lũy tư bản là quá trình bản cùng hóa của giai cấp công nhân.

- Bản cùng hóa tương đối và bản cùng hóa tuyệt đối:

+ *Bản cùng hóa tương đối*: là sự giảm sút tỷ trọng thu nhập của giai cấp công nhân so với thu nhập của các nhà tư bản (nói cách khác là sự chênh lệch thu nhập ngày càng lớn giữa giai cấp tư sản và giai cấp công nhân).

+ *Bản cùng hóa tuyệt đối*: là sự giảm sút mức sống của công nhân xuống dưới mức sống tối thiểu của xã hội.

- Tích lũy tư bản càng diễn ra mạnh mẽ thì mâu thuẫn của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ngày càng sâu sắc.